

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **15** /2021/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày **04** tháng 11 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và đối tượng khó khăn khác trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN
KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ BA (KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Người cao tuổi ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật Người khuyết tật ngày 15 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Trẻ em ngày 05 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Pháp lệnh số 02/2020/UBTVQH14 ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Thông tư số 02/2021/TT-BLĐTBXH ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Xét Tờ trình số 179/TTr-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc đề nghị quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và đối tượng khó khăn khác trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và đối tượng khó khăn khác trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

2. Người khuyết tật nặng, đặc biệt nặng là thể hệ thứ ba của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học.

3. Thành viên gia đình người có công với cách mạng là hộ nghèo trên địa bàn tỉnh:

a) Người có công với cách mạng hưởng lương hưu, trợ cấp xã hội hằng tháng, trợ cấp ưu đãi người có công với cách mạng hằng tháng, trợ cấp hằng tháng khác nhưng thấp hơn mức quy định tại Nghị quyết này;

b) Người trực tiếp chăm sóc người có công với cách mạng và người hết độ tuổi lao động mà không hưởng lương hưu, trợ cấp xã hội hằng tháng, trợ cấp hằng tháng khác hoặc hưởng các mức trợ cấp trên nhưng thấp hơn mức quy định tại Nghị quyết này;

c) Người đang hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng, trợ cấp hằng tháng khác nhưng thấp hơn mức quy định tại Nghị quyết này.

4. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội

1. Mức chuẩn trợ giúp xã hội

a) Mức chuẩn trợ giúp xã hội áp dụng đối với các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết này là 360.000 đồng/tháng, thời gian thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ;

b) Tăng mức chuẩn trợ giúp xã hội áp dụng đối với các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 2 của Nghị quyết này từ 360.000 đồng/tháng lên 600.000 đồng/tháng từ ngày 01 tháng 01 năm 2022;

c) Tăng mức chuẩn trợ giúp xã hội áp dụng đối với các đối tượng bảo trợ xã hội tại các cơ sở trợ giúp xã hội từ 360.000 đồng/tháng lên 500.000 đồng/tháng từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

2. Mức chuẩn trợ giúp xã hội quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều này làm căn cứ để tính mức trợ cấp xã hội hằng tháng, trợ cấp nuôi dưỡng hằng tháng cho đối tượng; các chính sách trợ giúp xã hội khác thực hiện theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ.

3. Mức trợ giúp xã hội đối với đối tượng quy định tại khoản 3 Điều 2 của Nghị quyết này thực hiện bằng mức chuẩn nghèo theo tiêu chí thu nhập chuẩn nghèo quốc gia hiện hành áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 và theo nguyên tắc sau:

a) Trường hợp đối tượng đang hưởng mức trợ giúp hằng tháng khác nhưng thấp hơn thì được cấp bù kinh phí bằng mức trợ giúp của Nghị quyết;

b) Không được hưởng chính sách trợ giúp kể từ tháng liền kề sau tháng đối tượng chết hoặc không còn thuộc đối tượng áp dụng của Nghị quyết.

4. Trường hợp đối tượng thuộc diện hưởng nhiều mức trợ giúp theo quy định tại Nghị quyết này hoặc tại các văn bản khác thì chỉ được hưởng một mức cao nhất.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp trong dự toán chi bảo đảm xã hội theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ ba (Kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 04 tháng 11 năm 2021, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 11 năm 2021./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Báo cáo);
- Chính phủ (Báo cáo);
- Bộ Tài chính (Báo cáo);
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Báo cáo);
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp (Kiểm tra);
- Thường trực Tỉnh ủy (Báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh khóa XIV;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh;
- Kiểm toán Nhà nước Khu vực X;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Báo Thái Nguyên, Đài PTTH tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH



Phạm Hoàng Sơn

